

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST

Ngày: 23/7/2019

V/v “Tranh chấp về hợp
đồng tín dụng (vay tài sản)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Võ Thị Diệp**

2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Thị Kim Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 23/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 816/2018/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (sự vay tài sản)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2019/QĐXXST-DS ngày 10/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2019/QĐST-DS ngày 10/5/2019, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 06/TB-TA ngày 10/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa 73B/2019/QĐST-DS ngày 04/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) KL.**

Địa chỉ: số 40 - 42 - 44 đường P, phường V, Tp R, tỉnh Kiên Giang.
Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Anh Ngô Văn Q - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP KL– chi nhánh Đồng Tháp. Anh Q ủy quyền cho anh **Dương Minh D**, sinh năm 1990 - Chức vụ: Quyền trưởng phòng KHCN, kiêm Quyền trưởng phòng KHDN Ngân hàng TMCP KL - Chi nhánh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Tấn T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: tổ M, ấp B, xã S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Phạm Thị V, sinh năm 1992;

Địa chỉ: tổ M, ấp B, xã S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh D có mặt, anh T và chị V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) KL trình bày: Ngày 13/10/2017, Ngân hàng TMCP KL có cho anh Nguyễn Tấn T vay số tiền vốn là 60.000.000đ; thời hạn vay 03 tháng (trả góp vốn và lãi theo định kỳ hàng ngày); mục đích vay mua bán nhỏ; lãi suất 1,245%/tháng; lãi suất nợ quá hạn (chậm trả) bằng 150%/lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản thế chấp cho bảo đảm nợ vay là một chiếc xe Honda Air Blade cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 032982; biển kiểm soát 66M1-269.42; màu sơn trắng - bạc - đen; dung tích 124,9; số máy JF63E1313399; số khung 6301FZ313385 do Công an huyện Cao Lãnh cấp ngày 26/7/2017 (Đăng ký lần đầu ngày 29/12/2015), hiện chiếc xe này do anh Nguyễn Tấn T quản lý.

Tuy nhiên, trong quá trình vay anh T đã không thực hiện việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận ký kết và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh T trả nợ nhưng anh T vẫn không trả. Nay Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Tấn T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay là 29.220.000đ và số tiền lãi 22.163.000đ (tính đến ngày 23/7/2019), tổng cộng vốn và lãi là 51.383.000đ và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật mà anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp và những tài sản có giá trị khác để bảo đảm nợ vay theo hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố số NH00204/205/HĐTD-CC ngày 13/10/2017, để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngoài ra, Ngân hàng TMCP KL không yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị V đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:
- + Quyết định ủy quyền thường xuyên của Ngân hàng (photo có dấu treo);
- + Giấy ủy quyền (bản chính);
- + Bảng kê tính lãi theo hợp đồng (bản chính);
- + Hợp đồng tín dụng, kèm hợp đồng cầm cố ngày 13/10/2017 (photo có dấu treo);
- + Giấy đề nghị vay vốn trả góp (photo có dấu treo);
- + Biên bản thỏa thuận gửi giữ tài sản (photo);

+ Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy; giấy CMND + sổ hộ khẩu gia đình (photo có dấu treo);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là anh Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền 51.383.000đ, trong đó vốn vay là 29.220.000đ và số tiền lãi là 22.163.000đ (tính đến ngày 23/7/2019) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng (vay tài sản)” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại xã S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vụ án nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện, xét thấy: Hợp đồng tín dụng (vay tài sản) giữa Ngân hàng TMCP KL với anh T được xác lập vào ngày 13/10/2017 đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[4] Về tố tụng: Đối với bị đơn là anh Nguyễn Tấn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện Ngân hàng xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì Ngân hàng không tranh chấp số tiền nào khác và trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác; không yêu cầu chị V liên đới trả nợ cùng với anh Tới.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP KL xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể Ngân hàng TMCP KL chỉ yêu cầu anh Nguyễn Tấn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 51.383.000đ, trong đó vốn vay là 29.220.000đ và số tiền lãi là 22.163.000đ (tính đến ngày 23/7/2019) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ; không yêu cầu xử lý tài sản đối với tài sản mà anh T đã cầm cố. Xét việc tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Còn việc Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Tấn T phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng số tiền vốn vay là 29.220.000đ và số tiền lãi 22.163.000đ (tính đến ngày 23/7/2019), tổng cộng vốn và lãi là 51.383.000đ và yêu cầu tính lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, bởi lẽ: Vào ngày 13/10/2017, anh Nguyễn Tấn T có làm hợp đồng tín dụng (vay tài sản) với Ngân hàng TMCP KL với số tiền vốn vay là 60.000.000đ; thời hạn vay 03 tháng (trả góp vốn và lãi theo định kỳ hàng ngày); mục đích vay mua bán nhỏ; lãi suất 1,245%/tháng; lãi suất nợ quá hạn (chậm trả) bằng 150%/lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Việc hai bên ký hợp đồng là tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi vay thì anh Tới đã không thực hiện việc trả nợ như hai bên đã thỏa thuận ký kết và Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh T trả nợ nhưng anh Tới vẫn không trả. Do đó, việc Ngân hàng TMCP KL khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Tấn T trả số tiền vốn vay là 29.220.000đ và số tiền lãi 22.163.000đ (tính đến ngày 23/7/2019), tổng cộng vốn và lãi là 51.383.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP KL.

[7] Tại phiên tòa, đại diện của Ngân hàng xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì Ngân hàng không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP KL về việc yêu cầu anh T trả số tiền vốn vay là 29.220.000đ và số tiền lãi 22.163.000đ (tính đến ngày 23/7/2019), tổng cộng vốn và lãi là 51.383.000đ nên anh Tới phải chịu 2.569.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000đ theo biên lai số 0001182 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) KL.

- Buộc anh Nguyễn Tấn T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) KL số tiền 51.383.000đ (Năm mươi một triệu ba trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (ghi trong hợp đồng tín dụng ngày 13/10/2017), nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về án phí: Anh Nguyễn Tấn T phải chịu 2.569.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng TMCP KL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000đ theo biên lai số 0001182 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trịnh Hữu Chính